

Mối quan hệ giữa môi trường và quản lý xã hội

• GS, TS. NGUYỄN HỮU KHIỂN
Học viện Hành chính

1. Nhận thức về môi trường

Môi trường là một khái niệm xã hội - tự nhiên. Môi trường là một bộ phận của tự nhiên. Nhưng không phải tự nhiên nào cũng là môi trường. Ví như thế này: con người khi chưa thể lặn xuống biển thì biển chỉ là bộ phận tự nhiên khách quan. Nhưng con người ta lặn được đến đâu thì nghiên cứu, sử dụng khai thác đến đó nên bộ phận biển (vùng biển) mà người ta lặn được xuống đó để mưu lợi cho con người thì nơi đó chắc chắn trở thành môi trường (với nghĩa là điều kiện), để sản xuất theo nghĩa rộng nhất. Khi đó con người sử dụng nó, đồng thời phải tính tới tác động lâu dài. Vậy nên không được phá hoại nó nếu không làm giàu cho nó được. Thế là nhiều bộ phận tự nhiên từ chỗ hàng tỉ tỉ năm trước là thiên nhiên hoang dã, nay dần trở thành nơi con người phải để ý đến, phải ra chính sách, kiểm tra, kiểm soát, làm chiến lược, dự báo... Khái niệm môi trường để nói về một bộ phận của tự nhiên có sự tác động của con người, của con người cộng đồng, con người thể chế; nghĩa là nó mang tính xã hội sâu sắc.

Nếu chúng ta để ý và nghiên cứu theo lộ trình của lịch sử,

chúng ta sẽ thấy sự kì lạ của loài người: chỗ nào cũng tìm kiếm, đào bới, chui cả xuống đất, lặn cả xuống biển, bay cả lên trời và chưa thấy dấu hiệu gì là đã thoả mãn những việc đó. Nhưng chính những việc làm đó là cả một lịch sử con người tạo thêm ra những môi trường mới; tự nhiên từ chỗ là tự nhiên hoang sơ, hoang dã thành môi trường thân thiện với con người. Con người tìm mọi cách để biến tự nhiên thành môi trường sinh hoạt và sản xuất; huy động cả khoa học tự nhiên và xã hội, sử dụng cả phương pháp hoà bình và chiến tranh với những thủ đoạn khác nhau...

Đó chính là minh chứng minh hoạ môi trường mang tính xã hội sâu sắc nhất. Trong cuốn sách nói về dấu mỏ của thế giới, người ta đã mô tả một bước ngoặt rất quan trọng của người Anh khi lần đầu tiên họ là những người đã sử dụng dấu mỏ chạy các tàu chiến. Từ việc phát hiện, sử dụng được dấu mỏ khiến cho những hạm đội có sự thay đổi cách mạng về chất (nhất là tốc độ), đã làm cho nước Anh trở thành cường quốc trên biển⁽¹⁾. Như thế, nơi nào trên trái đất có dấu mỏ được khai thác thì ở đó dấu mỏ là một thành tố quan

trọng trong khái niệm kinh tế xã hội và chính trị xã hội.

Môi trường là một khái niệm rộng, phong phú, đa dạng liên quan trực tiếp đến đời sống con người. Ở góc độ hẹp hơn, trước hết môi trường là điều kiện sống của con người. Con người với bản năng của mình đã tìm đến những nơi mà họ cho là có thể tồn tại được (sống, sinh hoạt, sản xuất...). Chính vì thế ta có các nhóm người khác nhau sống ở vùng nóng, vùng lạnh khác nhau. Xa xưa con người tự do tìm kiếm nơi cư trú cho mình. Càng về sau, môi trường sống càng là đối tượng để ý, quan tâm, can thiệp của các nhà nước. Môi trường từ chỗ là khái niệm thuần túy tự nhiên, trở thành khái niệm xã hội (quốc gia này hay quốc gia khác), trở thành một phần của đời sống chính trị: người ta tranh chấp, tranh cãi; tranh cãi song phương, đa phương, bằng các hội nghị khu vực và quốc tế.

Môi trường ngày càng khoác trên mình nó chức năng xã hội sâu sắc. Khoa học xã hội đã hình thành những khái niệm mới: môi trường tự nhiên, môi trường xã hội; môi trường (điều kiện) lao động và sản xuất; môi trường

kinh tế, văn hoá, xã hội. Tuy nhiên, dù có gắn cho khái niệm môi trường những “cái đuôi” tính từ như thế nào thì khái niệm đó cũng có yếu tố tự nhiên khách quan. Tất cả các vấn đề của môi trường đều diễn ra ở một không gian nhất định của tự nhiên. Từ đó mà tạo ra tính đa dạng của vấn đề môi trường.

Chính trong quá trình tác động đến môi trường theo nhiều cách khác nhau, luôn xuất hiện những mô thức khác nhau của thể chế xã hội tác động đến môi trường: tổ chức cộng đồng, thành lập thiết chế quản lý, ban hành các chính sách tác động đến môi trường như: chính sách tìm kiếm, quy định sở hữu (chiếm hữu, chiếm dụng...), quy phạm liên quan đến cả đối nội và công pháp quốc tế... Tính đa dạng của môi trường làm cho hệ thống tổ chức và thể chế cũng rất đa dạng. Đa số các nước hình thành những bộ - đơn vị quan trọng của chính phủ hoặc các bộ khác nhau liên quan đến môi trường, có bộ chuyên lo quản lý môi trường theo đúng nghĩa hẹp của nó.

2. Những vấn đề môi trường trong đời sống hiện đại

Như đã nói ở trên, gần đây sau khái niệm môi trường là hàng loạt các tính từ phản ánh sự đa dạng của vấn đề môi trường hiện nay. Những khái niệm môi trường khác nhau liên quan đến nhiều lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội, do đó làm cho sự tác động của thể chế (chính trị, xã hội, pháp chế, nhà nước, đối nội và đối ngoại...) ngày càng đa dạng. Những khái niệm môi trường có

sự khác nhau nhưng không phải tuyệt đối tách biệt, không có quan hệ gì với nhau. Ngược lại, mỗi khái niệm là sự phân định “ưu tiên” một mặt, thuộc tính nào đó để làm rõ. Chẳng hạn, nói *môi trường tự nhiên* là nhấn mạnh mặt tự nhiên khách quan gắn với đời sống. *Môi trường sinh thái* cũng gắn nhiều đến tự nhiên nhưng đã có sự nhìn nhận gần hơn đến những yếu tố tự nhiên mà con người tác động vào và chúng ảnh hưởng trực tiếp đến con người. Thậm chí dùng khái niệm này để nhấn mạnh mặt điều kiện sống của con người. *Môi trường sản xuất là nói tổng thể những yếu tố tạo nên điều kiện tự nhiên, xã hội, kỹ thuật công nghệ...* cho sản xuất. *Môi trường tài nguyên* là khái niệm liên quan tới đối tượng phục vụ cho sản xuất theo nhiều cách thức khác nhau. *Môi trường tài nguyên* một khi tác động đến đời sống kinh tế thì cần phải lưu tâm đến theo các yếu tố phương thức, cách thức và quy trình khai thác, sử dụng (không khai thác bừa bãi); khai thác có kế hoạch (không làm cạn kiệt tài nguyên)... *Môi trường tài nguyên* là đối tượng thiên nhiên nhưng chúng nằm ở những quốc gia hay vùng lãnh thổ khác nhau mà trở thành đối tượng cụ thể của từng nhà nước, từng quốc gia. Như thế, vấn đề môi trường thực chất cũng thể hiện trình độ, năng lực của con người, thể hiện những bước tiến, thậm chí bước nhảy vọt của sự tiến bộ của loài người. Ngày nay những tiến bộ trong sản xuất xã hội làm cho thế giới như hẹp lại, môi trường ngày

càng phong phú đa dạng. Nhưng chính quá trình đó cũng để lại những hệ lụy tiêu cực liên quan đến môi trường tự nhiên.

Ngày nay, có những vấn đề môi trường ở một quốc gia, dù là khách quan hay chủ quan, không những tác động bên trong lãnh thổ của một nước, mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến các quốc gia khác hay khu vực⁽²⁾. Vì vậy khi năng lực của con người thông qua trình độ của lực lượng sản xuất xã hội ngày càng mạnh mẽ và tiến bộ nhanh chóng như ngày nay, không một quốc gia nào có thể tự tách rời cộng đồng quốc tế trong việc cùng nhau xử lý và phòng ngừa thảm hoạ mà không tính tới các quốc gia khác.

3. Suy nghĩ về thực trạng môi trường đô thị hiện nay

Từ nhận thức phổ quát khái niệm môi trường, thử nhìn lại vấn đề môi trường đô thị Việt Nam hiện nay. Chúng tôi đồng tình với các tác giả về khái niệm môi trường đô thị, là *một trong những kết quả tác thành của con người trong quá trình tác động đến thiên nhiên để xây dựng và phát triển đô thị. Nó bao gồm các yếu tố tự nhiên và nhân tạo (vật chất và phi vật chất) có quan hệ mật thiết với nhau bao quanh con người, ảnh hưởng tới đời sống, sản xuất, sự tồn tại, phát triển của thiên nhiên và con người.* Luật Bảo vệ môi trường (năm 2005) của nước ta đã định nghĩa: “Môi trường bao gồm các yếu tố tự nhiên và vật chất nhân tạo bao quanh con người, có ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất, sự tồn tại, phát triển của con người và sinh vật”⁽³⁾. Đây là cơ sở pháp

lý để nghiên cứu, quản lý và bảo vệ môi trường đô thị.

Thực trạng môi trường đô thị tất nhiên liên quan đến những vấn đề trong nội dung quản lý môi trường đô thị như các thành phần môi trường đô thị (đất, nước, không khí, tiếng ồn,...); môi trường đất (tài nguyên đất, sử dụng đất và ô nhiễm, suy thoái đất trong đô thị); môi trường nước (nước mặt và nước ngầm thông qua cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải, phòng chống ô nhiễm nước); môi trường không khí (ô nhiễm không khí do các hoạt động của đô thị: giao thông, xây dựng, sản xuất; do sử dụng nhiên liệu trong sinh hoạt); các loại chất thải rắn và chất thải nguy hại; tiếng ồn đô thị và các dạng khác (rung, nhiệt, điện từ trường) do các hoạt động trong đô thị; hệ sinh thái, điều kiện tự nhiên (cây xanh, mặt nước, địa hình...); môi trường cảnh quan và bảo vệ các công trình văn hoá lịch sử.

Những thành tựu của quản lý môi trường đô thị theo chúng tôi cần ghi nhận sự cố gắng của chính quyền các đô thị, các nhà quản lý chuyên môn liên quan đến cơ cấu môi trường đô thị như quy hoạch, môi trường cây xanh, môi trường nước, môi trường giao thông, tiếng ồn đô thị, môi trường văn hoá đô thị, v.v.. như phần đánh giá ưu điểm báo cáo đã đề cập. Tuy nhiên, theo chúng tôi, với những gì hiện có, với yêu cầu ngày càng cao của đời sống đô thị đang còn quá nhiều bất cập về môi trường xét theo những tiêu chuẩn cho phép. Chúng tôi chưa dám đánh giá hạn chế của quản lý môi trường đô thị theo hướng lạc quan như kiểu “xếp hạng” về môi

trường cho đô thị Việt Nam, nhưng cũng phải thừa nhận còn nhiều điều hạn chế “dưới mức kì vọng trung bình” của Đảng, Nhà nước và người dân ở đô thị.

Như chúng tôi đã đề cập ở trên, người dân đô thị trong xã hội nói chung và trong các đô thị Việt Nam nói riêng vừa là chủ thể được phục vụ, vừa là chủ thể quản lý xã hội. Họ chính là tác nhân góp vào những thành tựu, ưu điểm, cũng như gây ra những bất cập, những hạn chế của đời sống nói chung và điều kiện môi trường xã hội nói riêng.

Những hạn chế về môi trường đô thị có thể nêu ra dưới đây.

Thứ nhất, cảnh quan môi trường đô thị hiện đang xuống cấp nghiêm trọng, nhất là ở những thành phố loại I trở lên theo phân cấp của nhà nước. Cảnh quan đô thị là kết quả tổng hợp của tổ chức xã hội đô thị bắt đầu từ quy hoạch, kiến trúc đô thị, thiết kế sắp đặt các công trình đô thị (những hiện trạng vườn hoa, công viên, nhà ở, đường xá...). Nói như thế không có nghĩa là phủ nhận năng lực hay những gì mà các đô thị đã có, nhưng môi trường cảnh quan đô thị hiện nay đang còn nhiều điều cần phải đề cập theo hướng hoàn thiện hơn, thống nhất hơn giữa tư duy quy hoạch khoa học và khả năng tổ chức thực hiện quy hoạch một cách nghiêm túc.

Cảnh quan môi trường đô thị là tổng hợp của cảnh quan môi trường của từng khu vực, từng bộ phận trong không gian đô thị. Người ta có thể bàn về cảnh quan môi trường của một khu dân cư, một cái hồ, một đoạn sông chảy quanh đô thị... Nếu mọi nơi, mọi chỗ cảnh quan bị vi phạm thì cảnh

quan môi trường của đô thị sẽ bị ảnh hưởng. Ví dụ: một cái hồ bị lấn chiếm, không được quy hoạch, tiêu chuẩn vệ sinh mặt nước xuống cấp, một con phố để lại những ngôi nhà “siêu mỏng” mà không ai có lỗi, một vườn hoa, công viên bị vi phạm bởi các công trình xây dựng lấn chiếm (xây nhà hàng, khách sạn), chức năng công viên bị tha hoá thành các tụ điểm sinh hoạt tiêu cực (hút sách, cướp dật, mại dâm...); một con phố dày đặc quảng cáo rác, quanh năm đào lên lấp đi... Tất cả những yếu tố đó tạo thành cảnh quan môi trường đô thị. Đó chính là sự “ô nhiễm cảnh quan” nhìn từ góc độ quản lý môi trường đô thị ở Việt Nam.

Thứ hai, ô nhiễm rác thải đô thị đang là một trong những vấn nạn trong các đô thị lớn. Rác thải đô thị rất đa dạng, bao gồm rác thải sinh hoạt, rác thải sản xuất, rác thải y tế (chủ yếu từ các bệnh viện), rác thải ngoài môi trường (vứt rác xuống sông, hồ, ao, đổ vật liệu bừa bãi..., nước thải từ các hiệu rửa xe, quán gội đầu, nhà hàng...).

Rác thải sinh hoạt đô thị ngày càng có xu hướng gia tăng về số lượng, đa dạng về loại hình. Việc tổ chức xử lý rác thải sinh hoạt hiện đang gặp khó khăn từ chỗ: ý thức của người dân chưa cao, (một bộ phận còn tùy tiện như khi sống ở nông thôn bạ đâu vứt đó), khả năng công nghệ xử lý rác thải còn lạc hậu (chủ yếu vẫn là chôn xuống đất). Công nghệ thu gom còn rất thủ công, lạc hậu.

Rác thải bệnh viện hiện đang là một trong những khó khăn lớn đối với việc xử lý vì đây là loại rác đặc biệt, có độ ô nhiễm cao gấp

nhiều lần rác thải sinh hoạt. Những vụ việc xử lý rác thải tùy tiện ở một số bệnh viện bị phát hiện đã chứng tỏ vấn đề quản lý trong lĩnh vực này còn rất hạn chế. Một bệnh viện ở Nghệ An đã chôn rác thải theo cách cổ điển, xả thẳng nước thải bệnh viện ra khu dân sinh gây nguy hiểm về môi trường, thể hiện rõ sự tắc trách của quản lý⁽⁴⁾. Rất tiếc, tình trạng này hiện không phải là hiếm trong hệ thống bệnh viện ở các đô thị Việt Nam.

Thứ ba, bụi đô thị cũng đang là một trong những vấn nạn và là điển hình về sự xuống cấp chất lượng vệ sinh đô thị. Quá trình đô thị hoá đang diễn ra thì bụi đô thị tăng lên là điều dễ hiểu. Có điều những quy chế, quy định về vệ sinh không được những người vận hành tôn trọng, những người kiểm tra không kiểm soát được.

Năm 2007, Bộ Tài nguyên - Môi trường đã có bản Báo cáo môi trường quốc gia năm 2007. Chủ đề môi trường không khí đô thị Việt Nam vừa được Bộ Tài nguyên - Môi trường công bố mới đây cho biết vấn đề nổi cộm về môi trường không khí ở các đô thị hiện nay là ô nhiễm bụi. Hầu hết các khu vực trong thành phố đều bị ô nhiễm bụi, đặc biệt là các nút giao thông và các khu vực có công trường xây dựng. Báo cáo dẫn những "tụ điểm" ở Hà Nội, ở các đô thị: Hà Long, Hải Phòng, Thái Nguyên, Việt Trì, Huế, Biên Hòa... là những thông tin rất bi quan về giải pháp giảm thiểu bụi đô thị. Đến nay, vẫn chưa có được giải pháp hạn chế hữu hiệu và nguy cơ gia tăng ô nhiễm bụi càng thể hiện rõ trong quá trình đô thị hóa.

Thứ tư, ô nhiễm nguồn nước là một trong những tác nhân ảnh hưởng trực tiếp tới đời sống cư dân đô thị và cảnh quan, văn hoá đô thị. Rất đáng lưu ý là thực trạng nguồn nước trong các sông nội đô, ao, hồ ngày càng xuống cấp trên diện rộng. Từ chỗ là nơi tạo môi trường trong lành cho sinh hoạt thì hiện nhiều ao hồ trở thành sự sợ hãi cho cư dân trong vùng. Một trong vô khối thí dụ như, khu hồ Tuyên Lâm (Đà Lạt), ngoài việc là một cảnh quan thiên nhiên du lịch đẹp, nó còn là nơi dự trữ nguồn cung cấp nước ngọt cho sinh hoạt của người dân. Nhưng một số dự án ở đây đã triển khai trước khi có những đánh giá tác động môi trường, hoặc đưa ra những số liệu về tác động đến môi trường không đủ độ tin cậy, thuyết phục..., bất chấp việc phát triển sau này sẽ phá vỡ cảnh quan, thậm chí gây ô nhiễm môi trường cho khu vực⁽⁵⁾.

Thứ năm, ô nhiễm tiếng ồn đô thị ở Việt Nam cũng là một trong những nội dung của cấu trúc môi trường đô thị. Tiếng ồn có rất nhiều loại hình. Tuy nhiên việc quản lý đô thị bảo đảm văn minh liên quan đến hạn chế tiếng ồn đô thị đang là bức xúc trong các đô thị Việt Nam. Khi nào thì ở Việt Nam, các phương tiện giao thông khi xử lý các tình huống không cần dùng còi xe? Sự đan xen giữa khu dân cư, thậm chí ngay cả khu phố cổ Hà Nội với các cơ sở sản xuất công nghiệp đã gây ô nhiễm tiếng ồn (như ở phố Hàng Thiếc, Hàng Hòm,...). Tiêu chuẩn giảm ồn trong các nhà hàng, quán bar được quản lý như thế nào... đang là những câu hỏi chưa được giải quyết.

Tiếng ồn đô thị còn là yếu tố ảnh hưởng đến sức khoẻ, tác động đến văn hoá, văn minh đô thị. Tiếng ồn đô thị ở Việt Nam từ lâu đã vượt xa mức cho phép như đang thử thách sức chịu đựng của con người. Có nhiều nguyên nhân, song đáng kể nhất lại do kém ý thức của chính người dân và năng lực quản lý của chính quyền đô thị. Theo Bệnh viện Tai mũi họng trung ương, tai người ta chỉ có thể chịu được âm thanh ở mức nhỏ hơn 80dB, còn với âm thanh lớn hơn 80dB sẽ gây ảnh hưởng tới sức khoẻ, gây suy nhược, đau đầu; 130dB sẽ gây đau và từ 140dB trở lên sẽ gây chấn thương ngay như bị điếc, hoặc chảy máu... Nhưng thực tế, còn quá nhiều phương tiện lắp còi từ 120dB-200dB, nhiều xe tải còn lắp còi có âm thanh "khùng khiếp" lên tới 250dB. Cư dân các thành phố lớn như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh đang phải sống trong sự quá tải về cường độ âm thanh⁽⁶⁾.

Phải chăng trong quản lý nhà nước, khái niệm "thả nổi kiểm soát tiếng ồn" cũng giống như việc thả nổi đồng tiền trong khoa học quản lý kinh tế? □

1. Tham khảo: Daniel Yergin: Dầu mỏ - tiền bạc và quyền lực; Nxb CTQG - Sự thật, 2008.

2. Những trận lũ lụt, những trận cháy rừng, thảm hoạ hạt nhân Tremobun ở Ucraina năm 1985 là những minh chứng về ảnh hưởng của vấn đề môi trường đến các quốc gia khác.

3. Xem Luật Bảo vệ môi trường - 2005 (Điều 3).

4. Xem trang điện tử báo Tổ quốc ngày 7.8.2010.

5. Xem trang điện tử báo Người lao động, ngày 08.7.2010.

6. Xem trang điện tử Báo Lao động 14.11.2007.